

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CỔ LŨNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/TB-UBND

Cổ Lũng, ngày 08 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc công khai thực hiện dự toán ngân sách quý IV năm 2023 xã Cổ Lũng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ kết quả thực hiện dự toán ngân sách quý IV năm 2023 xã Cổ Lũng.

UBND xã Cổ Lũng thông báo công khai thực hiện dự toán ngân sách xã Cổ Lũng quý IV năm 2023 số liệu theo mẫu biểu số: 113/CKTC-NSNN; 114/CKTC-NSNN; 115/CKTC-NSNN;

Vậy UBND xã Cổ Lũng thông báo đến các bộ phận, phòng ban liên quan và các cơ sở xóm trên địa bàn xã được biết./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH huyện;
- TT ĐU- HĐND xã;
- 18 cơ sở xóm;
- Lưu: VP, KT.



Bùi Đức Phong



THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước xã Cổ Lũng quý IV năm 2023

(Kèm theo Thông báo số: 08 /TB-UBND, ngày 08/01/2024 của UBND xã)

I. Tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý IV năm 2023

Ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ủy ban nhân dân xã Cổ Lũng đã thực hiện giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 cho các bộ phận ngành ban của xã tại Quyết định số 357/QĐ-UBND. Kết quả thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và dự toán chi ngân sách xã Cổ Lũng quý IV năm 2023, cụ thể như sau:

1. Thu ngân sách

1.1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Tổng thu NSNN trên địa bàn quý IV: 2.067.770.000 đồng bằng 93,4% kế hoạch.

- Thu phí lệ phí: 21.070.000 đồng đạt 23,7% dự toán giao
- Thu khác: 5.393.000 đồng (Thu thanh lý tài sản: 5.393.000 đồng)
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 16.988.000 đồng đạt 141,6% dự toán giao
- Lệ phí trước bạ: 22.808.000 đồng đạt 6,8% dự toán giao
- Thuế giá trị gia tăng: 80.454.000 đồng đạt 25,1% dự toán giao
- Thuế thu nhập cá nhân: 155.900.000 đồng đạt 11,3% dự toán giao
- Thu đóng góp của nhân dân: 1.765.160.000 đồng
 - + Thu đối ứng xây dựng đường bê tông: 1.760.000.000 đồng
 - + Thu xã hội hóa lắp đặt camera an ninh: 5.000.000 đồng
 - + Thu khác: 160.000 đồng

1.2. Thu ngân sách xã

Tổng thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp quý IV: 3.584.345.000 đồng, đạt 55,7% dự toán kế hoạch giao, bao gồm:

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 1.603.000.000 đạt 31,6%
- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%): 215.507.000 đồng, đạt 15,9% dự toán giao
- Thu kết dư ngân sách năm trước: 677.733 đồng
- Thu quản lý qua ngân sách: 1.765.160.000 đồng

2. Về chi ngân sách xã

Tổng số chi ngân sách xã quý IV: 4.987.356.000 đồng đạt 77,5% dự toán giao.

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 2.383.000.000 đồng

- Chi thường xuyên: 2.501.726.000 đồng, đạt 39,7% dự toán giao.

- Dự phòng ngân sách: 102.630.000 đồng đạt 81,5% dự toán giao

II. Đánh giá chung về tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước và dự toán chi ngân sách xã quý IV năm 2023

Trên cơ sở dự toán thu ngân sách nhà nước huyện giao và HĐND xã giao, UBND xã đã chỉ đạo các bộ phận chuyên môn (Một cửa, địa chính, văn hóa, công an) tăng cường sự phối hợp để thực hiện thu ngân sách ngay từ đầu năm, đảm bảo thu đúng, thu đủ, kịp thời các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và thu khác nộp vào ngân sách nhà nước.

Bộ phận kế toán, ủy nhiệm thu đã chủ động tham mưu cho UBND xã, phối hợp với cán bộ thuế phụ trách địa bàn trong việc tăng cường thực hiện các biện pháp thu ngân sách, chống thất thu thuế, quản lý chặt chẽ đối tượng kê khai, nộp thuế, hoàn thuế, miễn giảm thuế; đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền các chính sách, pháp luật về thuế bằng nhiều hình thức.

Các nhiệm vụ chi ngân sách trong quý IV được đảm bảo theo đúng dự toán, các bộ phận ngành ban đoàn thể sử dụng ngân sách đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đảm bảo an sinh xã hội, góp phần đảm bảo thực hiện tăng trưởng kinh tế của địa phương. Công tác quản lý chi ngân sách được đảm bảo tiết kiệm có hiệu quả, các khoản chi ngân sách được quản lý chặt chẽ trong phạm vi dự toán đã được giao./.

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2023

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	6.434.000	3.584.345	55,7
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	114.000	1.791.623	1571,6
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	1.242.000	189.044	15,22
3	Thu bổ sung	5.078.000	1.603.000	31,57
	- Bổ sung cân đối ngân sách	5.078.000	1.119.000	22,04
	- Bổ sung có mục tiêu		484.000	
4	Thu chuyên nguồn		0	
5	Thu kết dư ngân sách		678	
II	TỔNG SỐ CHI	6.434.000	4.987.356	77,52
1	Chi đầu tư phát triển		2.383.000	
2	Chi thường xuyên	6.308.000	2.501.726	39,66
3	Dự phòng	126.000	102.630	81,45

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2023



Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
		1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2		
A	B								
	Tổng số thu	2.214.000	6.434.000	2.067.770	3.584.345	93,4	55,71		
I	Các khoản thu 100%	114.000	114.000	1.791.623	1.791.623	1571,6	1571,6		
1	Phí, lệ phí	89.000	89.000	21.070	21.070	23,67	23,67		
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác								
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp								
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định								
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định								
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định								
7	Đóng góp từ nguyên của các tổ chức, cá nhân			1.765.160	1.765.160				
8	Thu khác	25.000	25.000	5.393	5.393	21,57	21,57		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	2.100.000	1.242.000	276.147	189.044	14,04	15,22		
1	Các khoản thu phân chia	400.000	232.000	39.793	30.106	10,81	12,98		
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	12.000	12.000	16.988	16.988	141,57	141,57		
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình								
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	53.000	53.000						
14	Lệ phí trước bạ nhà, đất	335.000	167.000	22.805	13.117	6,8	7,65		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	1.700.000	1.010.000	236.354	158.938	14,8	15,74		
21	Thu tiền sử dụng đất								
22	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước								
23	Thuế tài nguyên								
24	Thuế giá trị gia tăng	320.000	320.000	80.454	77.236	25,14	24,14		
25	Thuế thu nhập doanh nghiệp								
26	Thuế thu nhập cá nhân	1.380.000	690.000	155.900	81.702	11,3	11,84		
27	Thuế tiêu thu đặc biệt								
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)								
IV	Thu chuyển nguồn								
V	Thu kết dư ngân sách năm trước				678				



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		5.078.000		1.603.000		31,57		
1	Thu bổ sung cần đổi		5.078.000		1.119.000		22,04		
2	Thu bổ sung có mục tiêu				484.000				

